

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: **Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ** Mã nghề: **6620305**.

2. Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Lớp: CD NTTS – K19

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

3. Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương**

4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng có lập trường chính trị-tư tưởng vững vàng, có kiến thức cơ bản vững **chắc, có kiến** thức và kỹ năng về chăn nuôi động vật thủy sản; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong ngành nuôi động vật thủy sản.

Người học sau khi tốt nghiệp đạt năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Kiến thức:**

Hiểu được kiến thức cơ bản về:

+ Thủy sinh vật, ngư loại, quản lý môi trường ao nuôi, công trình nuôi thủy sản, dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, phòng và trị bệnh các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế và an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản;

+ Kỹ thuật sản xuất giống, nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản nước mặn lợ có giá trị kinh tế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, vận chuyển động vật thủy sản;

+ Khởi sự doanh nghiệp, tổ chức quản lý sản xuất, kỹ năng giao tiếp, khuyến nông khuyến ngư, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- **Kỹ năng:**

+ Nhận biết chính xác các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế, các loài thủy sinh vật làm thức ăn cho động vật thủy sản;

+ Chuẩn bị được các công trình nuôi thủy sản, sử dụng hiệu quả thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, quản lý được môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản;

+ Thực hiện được biện pháp kỹ thuật sản xuất giống, nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản nước mặn lợ có giá trị kinh tế;

+ Lập và tổ chức thực hiện được kế hoạch sản xuất;

+ Thực hiện được biện pháp kỹ thuật khai thác thủy sản.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Nhận biết chính xác các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế, các loài thủy sinh vật làm thức ăn cho động vật thủy sản;

+ Chuẩn bị được các công trình nuôi thủy sản, sử dụng hiệu quả thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, quản lý được môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản;

+ Thực hiện được biện pháp kỹ thuật sản xuất giống, nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản nước mặn lợ có giá trị kinh tế;

+ Lập và tổ chức thực hiện được kế hoạch sản xuất;

- + Có năng lực dẫn dắt, quản lý về chuyên môn liên quan đến lĩnh vực Thủy sản: Quản lý môi trường và dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; Sinh sản và ương nuôi cá giống; Nuôi cá thương phẩm...
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- + Chủ động tự đánh giá, cải tiến các hoạt động trong công tác tại công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu.
- + Tổng hợp, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ: Kỹ thuật chẩn đoán, quản lý môi trường và phòng trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản, kỹ thuật nuôi thủy hải sản.
- + Chủ động, tích cực nhận thức các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội gắn với giải quyết công việc chuyên môn.

4.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

Nghề nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ là nghề có phạm vi hoạt động rộng ở các vùng ven biển, các trạm, trang trại và doanh nghiệp. Người học nghề nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ có thể tham gia vào các vị trí sau:

- + Kỹ thuật viên sản xuất giống thủy sản nước mặn, nước lợ
- + Kỹ thuật viên nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ
- + Nhân viên thị trường giống thủy sản, thuốc và hóa chất

5. Khoá học:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 168/QĐ-CDN ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

6. Thời gian khoá học: 2,5 năm (từ 16/9/2019 đến 16/03/2022)

7. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 20 tuần

8. Quyết định phê duyệt chương trình:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 194/QĐ-CDN ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

9. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Thời lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 117 tín chỉ
- Thời lượng các môn học chung/đại cương: 516 giờ
- Thời lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2384 giờ
- Thời lượng lý thuyết: 830 giờ; Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận: 2070 giờ.

I.LỊCH HỌC TOÀN KHOÁ

Tuầ n	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52									
Nă n học																																																													
I		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	M	T	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	T	D	H	H	H	H	H				
II	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	T	D	H	H	H	H	H
III	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	O	T																				

M Môn học/mô-đun D Dự phòng TN Thi tốt nghiệp L Tết

S Thực tập tại doanh nghiệp O Ôn tập H Nghỉ hè

T Thi học kỳ D Dự phòng

II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Kế hoạch giảng dạy					
							Năm 1		Năm 2		Năm 3	
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	75					
2	Pháp luật	2	30	18	10	2	30					
3	Giáo dục thể chất	3	60	5	51	4	60					
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4	75					
5	Tin học	3	75	15	58	2	75					
6	Tiếng Anh	5	120	42	72	6	120					
7	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2	45					
8	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2	36	12	23	1	36					
9	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	27	3	45					
10	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2	30	20	8	2	30					
11	An toàn lao động	2	30	20	8	2		30				
12	Điện cơ bản	2	45	15	27	3		45				
13	Thủy sinh vật	4	90	56	29	5		90				
14	Ngư loại	4	70	50	16	4		70				
15	Công trình nuôi thủy sản	4	60	45	12	3		60				
16	Quản lý chất lượng nước trong NTS	6	120	60	54	6		120				
17	Dinh dưỡng và thức ăn trong NTS	4	80	56	20	4		80				
18	Bệnh động vật thủy sản	5	70	56	10	4		70				
19	Sản xuất giống cá biển	5	130	30	95	5			130			
20	Sản xuất giống Hàu	4	90	15	70	5			90			

21	Sản xuất giống cá rô phi đơn tính	3	60	15	42	3			60		
22	Sản xuất giống tôm sú	5	124	29	90	5			124		
23	Sản xuất giống tôm thẻ chân trắng	6	150	24	120	6			150		
24	Nuôi cá lồng trên biển	3	120	20	95	5				120	
25	Nuôi cá trong ao nước lợ	5	125	25	95	5				125	
26	Nuôi hàu thương phẩm	4	90	25	60	5				90	
27	Nuôi ốc hương thương phẩm	3	80	20	55	5				80	
28	Nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm	5	135	30	100	5				135	
29	Nuôi cua biển	4	90	20	65	5					90
30	Thực tập tốt nghiệp	13	550		550						550
	Tổng cộng	119	2900	830	1954	116	591	565	554	550	640

III. THI TỐT NGHIỆP

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết/ trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Lý thuyết chuyên môn nghề	Viết, trắc nghiệm, vấn đáp	Không quá 180 phút.
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Không quá 24 giờ

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019

TL.HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO VÀ ĐN

Đã ký

Phan Vĩnh An